

\*

Số 29-KH/TU

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**KẾ HOẠCH**

**thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, và hoàn thiện cơ chế, chính sách cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ; Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Kế hoạch số 11-KH/BCĐ, ngày 27/3/2025 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng về tổng thể triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Kế hoạch số 226-KH/TU, ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng thể triển khai Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2025 - 2028; Kế hoạch hành động số 238-KH/TU, ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 15-KH/TU, ngày 14/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026; Kế hoạch số 17-KH/BCĐ, ngày 30/01/2026 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng về Kế hoạch Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng năm 2026; Chương trình số 02-CTr/BCĐTW, ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Chương trình công tác năm 2026; chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư tại Phiên họp Thường trực Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW (Công văn số 939-CV/VPTW, ngày 13/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng), như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

Quán triệt, triển khai đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; bảo đảm bám sát và cụ thể hóa đầy đủ các nhiệm vụ năm 2026 theo Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân

trên địa bàn tỉnh về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (viết tắt là KHCN, ĐMST và CDS) quốc gia; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo ở mọi cấp, mọi ngành, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy, sự chỉ đạo của các cấp chính quyền, vai trò của Mặt trận Tổ quốc các cấp, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và Nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Phát huy tiềm năng, thế mạnh, xác định các lĩnh vực ưu tiên phát triển KHCN, ĐMST và CDS dựa trên lợi thế của tỉnh; thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ.

Xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; kết hợp hài hòa giữa các nhiệm vụ thường xuyên (hoàn thiện thể chế, hạ tầng) với các nhiệm vụ đột phá, sáng tạo, đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh Lạng Sơn, tạo chuyển biến thực chất trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

## **2. Yêu cầu**

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Các nhiệm vụ được tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với mục tiêu, nguồn lực, sản phẩm đầu ra và thời hạn cụ thể; phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả, bảo đảm tính khả thi, thiết thực, tránh hình thức.

Xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ tiến độ; bảo đảm tính khả thi, phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị; ứng dụng hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ; coi kết quả chuyển đổi số là một tiêu chí đánh giá tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên.

Bảo đảm 100% nhiệm vụ được theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương; số liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CDS; chuyển đổi sang mô hình quản trị dựa trên dữ liệu thống nhất, tập trung và thời gian thực. Tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và giữa các cơ quan thuộc 4 khối (Đảng, UBND, HĐND và MTTQ) trong hệ thống chính trị để hỗ trợ đắc lực cho công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo.

Thúc đẩy KHCN, ĐMST và CDS làm động lực nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh. Tập trung vào các lĩnh vực tiềm năng, lợi thế của tỉnh như: Sản xuất, chế biến nông lâm sản, công nghiệp hỗ trợ, logistics và kinh tế cửa khẩu. Chuyển đổi số thực chất các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất, năng lực cạnh tranh; ưu tiên chuỗi giá trị quy mô lớn, khả năng lan tỏa cao. Đảm bảo các nhiệm vụ CDS đóng góp thực chất, đo lường được vào chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Nâng cao kỹ năng số và văn hoá đổi mới sáng tạo; lan toả nhận thức về KHCN, ĐMST, CDS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp.

Nâng cao chất lượng quyết định và giám sát của HĐND tỉnh bằng dữ liệu, bằng chứng; hoàn thiện cơ chế, chính sách trong phạm vi thẩm quyền; hiện đại hóa hoạt động nội bộ theo hướng số hóa toàn diện, bảo đảm minh bạch, giải trình. Đổi mới, tạo chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ, thực chất, nâng cao chất lượng phương thức tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ứng dụng trên môi trường số; nâng cao hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Chuyển đổi phương thức giám sát dựa trên "Quản lý theo báo cáo định kỳ" sang "quản trị dữ liệu theo thời gian thực", bảo đảm minh bạch và giải trình cao; nâng cao chất lượng giám sát bằng chứng cứ số, dữ liệu "sạch - sống". Triển khai kỳ họp không giấy, hướng đến tiếp xúc cử tri và giải quyết kiến nghị qua môi trường số.

**2. Mục tiêu cụ thể:** Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

#### **Nhóm 1: Công tác chỉ đạo, điều hành**

##### *1.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn*

- Nhiệm vụ 1: Rà soát, chuẩn hoá các nội dung, nhiệm vụ trong Kế hoạch của đơn vị đã ban hành theo hướng xác định rõ mục tiêu, rõ nhiệm vụ, giải pháp, rõ người, rõ việc, rõ thời hạn, rõ sản phẩm cụ thể, lượng hóa các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) tương ứng với từng nhiệm vụ; gắn với thời hạn hoàn thành, nguồn lực tài chính, trách nhiệm của người đứng đầu và giám sát dựa trên dữ liệu, bảo đảm bám sát thực tiễn và Kế hoạch này (*Hoàn thành trước ngày 15/4/2026*). Kịp thời bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ mới khi được Trung ương, tỉnh giao để triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Nhiệm vụ 2: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy các cấp, trước hết là người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị mình; gắn kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW với công tác cán bộ và đưa vào tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và thi đua, khen thưởng hằng năm. Người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo việc cải cách, số hoá quy trình, bảo đảm dữ liệu của đơn vị luôn "đúng, đủ, sạch, sống"; không xem xét khen thưởng hoặc bỏ nhiệm đối với lãnh đạo các đơn vị để

xảy ra tình trạng báo cáo số liệu sai lệch, trễ hạn hoặc thực hiện chuyển đổi số mang tính hình thức, không có sản phẩm đầu ra thực chất (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 3: Quán triệt nghiêm tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về nguồn nhân lực và chống lãng phí; thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch và theo chuyên đề; theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện thông qua Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương. Kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chậm trễ, thiếu trách nhiệm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 4: Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tiếp nhận, tổng hợp, kịp thời phản hồi ý kiến, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Tổ chức đo lường mức độ hài lòng thông qua Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia (Hệ thống pakn.nq57.vn) và các kênh phù hợp khác, làm căn cứ để rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chủ trương, chính sách (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 5: Xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) tương ứng với từng nhiệm vụ đề ra, tổng hợp gửi Thường trực Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo để đưa vào theo dõi trên Hệ thống **theodoinq.dcs.vn** (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

### 1.2. Kết quả cần đạt

- 100% cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ban hành Kế hoạch điều chỉnh/thay thế Kế hoạch đã ban hành.

- Tối thiểu 90% nhiệm vụ trọng tâm trong các kế hoạch sau khi ban hành được triển khai đúng tiến độ theo lộ trình đã xác định trong năm 2026.

- Tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức, cá nhân định kỳ có gắn kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

### 1.3. Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước.

## **Nhóm 2: Hoàn thiện thể chế, chính sách**

### 2.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn

- Nhiệm vụ 1: Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển KHCN, ĐMST và CDS theo hướng đồng bộ, thống nhất, thông suốt, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và thu hút doanh nghiệp tham gia phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 2: Rà soát, xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS; đồng thời, tích hợp các yêu cầu về KHCN, ĐMST và CDS là thành phần bắt buộc trong quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch, đề án, dự án, đồ án (*Hoàn thành trong quý I năm 2026*).

- Nhiệm vụ 3: Xây dựng và thông báo danh mục bài toán lớn của tỉnh Lạng Sơn làm cơ sở thống nhất để đặt hàng, tổ chức triển khai các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS. Lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn trong các lĩnh vực trọng tâm như: Công nghiệp; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chế biến - chế tạo; du lịch; logistics; y tế; giáo dục; quản trị đô thị... để tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tập trung giải quyết dứt điểm ngay trong năm 2026 (*Hoàn thành trong quý I năm 2026*).

- Nhiệm vụ 4: Kịp thời ban hành các quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ trên môi trường số theo mô hình xử lý toàn trình, các thủ tục hành chính của Đảng trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia để tạo hành lang pháp lý chuẩn hoá, phù hợp với thực tiễn; bổ sung, sửa đổi các quy định cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm dữ liệu **“đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”**. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế đánh giá định lượng về hiệu quả công tác chuyển đổi số của từng cơ quan, đơn vị thay vì chỉ liệt kê đầu việc, bảo đảm mục tiêu giảm kinh phí, tiết kiệm công sức, hiện đại hoá quy trình làm việc, xử lý công việc hiệu quả hơn so với trước đây (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 5: Xây dựng và hoàn thiện cơ chế thu hút, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS; thực hiện nhất quán phương châm “ngân sách nhà nước giữ vai trò vốn môi, dẫn dắt, kích hoạt, thúc đẩy các nguồn vốn ngoài ngân sách tham gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo” (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

## 2.2. Kết quả cần đạt

- 100% văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan được rà soát định kỳ hằng năm.

- Tối thiểu 02 - 03 cơ chế, chính sách được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới mỗi năm.

- 100% quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, đề án, dự án cấp tỉnh được tích hợp yêu cầu về KHCN, ĐMST và CDS như một tiêu chí bắt buộc trước khi phê duyệt.

- Ban hành và công bố 01 Danh mục bài toán lớn của tỉnh. Lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn; tổ chức đặt hàng để giải quyết ngay trong năm 2026.

## 2.3. Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước.

**Nhóm 3: Nâng cao năng lực số của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị**

### 3.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn

- Nhiệm vụ 1: Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng số và năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khai thác và sử dụng dữ liệu cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trọng

tâm là cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ trực tiếp tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhất là cán bộ cấp xã (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 2: Chỉ đạo xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch phát động phong trào “Học tập số” trên các nền tảng số trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 3: Phối hợp, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ về quản trị dữ liệu cơ bản cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị; bảo đảm đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa năng lực quản trị, khai thác và sử dụng dữ liệu trong cơ quan nhà nước (*Hoàn thành trong năm 2026*).

- Nhiệm vụ 4: Rà soát, bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị bảo đảm phù hợp với khối lượng công việc và yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng lộ trình, phân đầu bố trí tỷ lệ hợp lý cán bộ có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới (*Hoàn thành rà soát, bố trí cán bộ trong quý II năm 2026*).

### 3.2. Kết quả cần đạt

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm.

- Tối thiểu 90% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành

- Tối thiểu 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ.

- Tối thiểu 6% cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.

- 100% cơ quan, đơn vị hoàn thành rà soát, bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

### 3.3. Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước.

## **Nhóm 4: Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ; các nền tảng, ứng dụng số**

### 4.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn

- Nhiệm vụ 1: Chủ động rà soát, đầu tư, nâng cấp và bảo đảm các điều kiện hạ tầng kỹ thuật tối thiểu phục vụ chuyển đổi số, bao gồm: Đường truyền và kết nối mạng; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; máy tính, thiết bị làm việc thiết yếu; chữ ký số chuyên dùng công vụ, USB Token ký số, mã hoá, Sim PKI; bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc (*Hoàn thành rà soát trong quý I năm 2026; Hoàn thành xây dựng phương án, kế hoạch bổ sung, nâng cấp trong quý II năm 2026*).

- Nhiệm vụ 2: Rà soát toàn bộ các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý; kịp thời khắc phục, giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng

mắc, bất cập, bảo đảm các hệ thống hoạt động thông suốt, ổn định, đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, công chức, viên chức và người dân (*Hoàn thành rà soát trong quý I năm 2026*).

- Nhiệm vụ 3: Tạo lập, xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được thực hiện thống nhất trên môi trường điện tử. Hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây (*Hoàn thành trong năm 2026*).

- Nhiệm vụ 4: Xây dựng, hoàn thiện Khung Chính quyền số tỉnh Lạng Sơn làm nền tảng định hướng phát triển, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu và triển khai thống nhất các nền tảng, ứng dụng số trong toàn bộ hệ thống chính trị, bảo đảm đồng bộ, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp, manh mún (*Hoàn thành trong năm 2026*).

- Nhiệm vụ 5: Triển khai các giải pháp Trạm số hóa phục vụ người dân trong giải quyết TTHC, bao gồm các hình thức Kiosk AI, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định dạng và chuẩn hóa dữ liệu điện tử; tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công số, nhất là tại cấp cơ sở (*Hoàn thành trong năm 2026*).

- Nhiệm vụ 6: Duy trì, nâng cấp Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC), bảo đảm tích hợp, tổng hợp, phân tích dữ liệu từ các ngành, lĩnh vực; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh theo hướng trực quan, thời gian thực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và điều hành phát triển kinh tế - xã hội (*Hoàn thành trong năm 2026*).

- Nhiệm vụ 7: Chỉ đạo triển khai đầy đủ, đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư đến vận hành, khai thác; ưu tiên bảo vệ các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ giải quyết TTHC và các hệ thống dữ liệu lõi của tỉnh, bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn, liên tục (*Thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả*)

#### 4.2. Kết quả cần đạt

- 100% cơ quan, đơn vị hoàn thành rà soát hiện trạng hạ tầng trong tháng 4/2026.

- 100% cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch/lộ trình nâng cấp, bổ sung hạ tầng trong quý II/2026.

- 100% hệ thống thông tin, phần mềm được rà soát trong quý I/2026. Đảm bảo hoạt động ổn định các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Tối thiểu 70% người dân được phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh.

- 100% cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu phục vụ giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

- 100% lãnh đạo và cán bộ chuyên môn được cấp chữ ký số cá nhân phục vụ nhu cầu giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán

đám mây.

- 100% hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...) của các khối được kết nối, liên thông.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc.

- 100% các quy trình lõi trong 04 khối được số hóa.

- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Trung tâm IOC được duy trì, nâng cấp.

*4.3. Nguồn lực tài chính:* Ngân sách nhà nước.

### **Nhóm 5. Cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành và kết nối, chia sẻ dữ liệu**

#### *5.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn*

- Nhiệm vụ 1: Đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu và ứng dụng giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh; bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí nguồn lực (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 2: Kết nối và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương theo danh mục đã ban hành, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh (*Hoàn thành trong quý II năm 2026*).

- Nhiệm vụ 3: Hoàn thiện kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; từng bước triển khai các sáng kiến mở dữ liệu, phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu khai thác hợp pháp của người dân, doanh nghiệp (*Hoàn thành trong quý III năm 2026*).

- Nhiệm vụ 4: Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trên nền tảng các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng; ưu tiên các lĩnh vực quản lý nhà nước, giải quyết TTHC, nông nghiệp, du lịch, y tế và giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 5: Phối hợp thực hiện rà soát, làm sạch và số hóa dữ liệu nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chung; chủ động kết nối, cung cấp và cập nhật dữ liệu thường xuyên về Kho dữ liệu dùng chung đảm bảo “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất*,”

*dùng chung*”. Đồng thời, khai thác hiệu quả các công cụ phân tích dữ liệu tập trung để phục vụ công tác chuyên môn, dự báo tình hình và ra quyết định thực chất trên môi trường số (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 6: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu mở, làm cơ sở kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu (*Hoàn thành trong quý II năm 2026*).

- Nhiệm vụ 7: Chuẩn hóa quy trình xử lý hồ sơ công việc, đặc biệt quy trình thẩm tra, giám sát, chất vấn, giải trình; hạn chế tối đa xử lý song song hồ sơ giấy - điện tử; bảo đảm dữ liệu tạo lập có khả năng tái sử dụng. Tiếp tục khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm nghiệp vụ HĐND các cấp; từng bước số hóa tài liệu kỳ họp, hồ sơ giám sát; ứng dụng công cụ trình chiếu, video, clip để tăng tính trực quan trong báo cáo, giải trình (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 8: Xây dựng và hoàn thiện nền tảng công thông tin Mặt trận số Xứ Lạng, tích hợp các phần mềm, ứng dụng của MTTQ; mở rộng Zalo mini app “Mặt trận số Xứ Lạng” đến toàn thể thành viên và nhân dân để gửi kiến nghị, góp ý, giám sát trực tuyến các vấn đề liên quan. Triển khai, xây dựng các phần mềm hỗ trợ công tác mặt trận, phục vụ nhân dân. Phối hợp, triển khai xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ vùng thiên tai (*Hoàn thành trong quý II năm 2026*).

- Nhiệm vụ 9: Xây dựng phương án tổng hợp, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung như cơ sở dữ liệu về ý kiến, kiến nghị của nhân dân, về tổ chức và hoạt động của hệ thống MTTQ, về các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, về giám sát, phản biện xã hội, về hội viên, đoàn viên của các tổ chức chính trị - xã hội; tích hợp công cụ phân tích để tổng hợp, phân loại vấn đề, phục vụ công tác dự báo, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 10: Tiếp nhận và triển khai sử dụng hiệu quả các ứng dụng, hệ thống do Trung ương chuyển giao. Chủ động phát triển các phần mềm, hệ thống thông tin đặc thù đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn dữ liệu thống nhất, bảo đảm khả năng kết nối, liên thông với kho dữ liệu dùng chung của Trung ương, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí và cát cứ dữ liệu (không đầu tư các ứng dụng tương tự như hệ thống hiện có do Trung ương chuyển giao) (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

## 5.2. Kết quả cần đạt

- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu bộ, ngành theo danh mục được kết nối theo quy định.

- Ban hành/công bố tối thiểu 01 danh mục dữ liệu mở của tỉnh. 100% cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý dữ liệu theo danh mục được ban hành.

- Ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số (AI, IoT, Big Data,...) trong quản lý môi trường, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm để phát triển kinh tế xã hội; nâng cao chất lượng sống người dân.

5.3. *Nguồn lực tài chính*: Ngân sách nhà nước.

## **Nhóm 6: Thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến**

### 6.1. *Nội dung trọng tâm và thời hạn*

- Nhiệm vụ 1: Chủ động rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trong các ngành, lĩnh vực với phương châm “đơn giản hóa trước, số hóa sau”. Khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa để phục vụ cải cách quy trình, cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 2: Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; bảo đảm quy trình số hóa tuân thủ quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn, làm nền tảng cho tự động hóa, liên thông và khai thác dữ liệu (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 3: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo hướng thực chất, hiệu quả, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; tăng tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết trực tuyến. Ưu tiên nâng cao chất lượng dịch vụ công trong các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, văn hoá, lao động, việc làm, an sinh xã hội..., gắn với cải thiện mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Triển khai các giải pháp cho phép sử dụng giấy tờ điện tử, dữ liệu số tích hợp trên tài khoản định danh điện tử để thay thế giấy tờ giấy trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC, bảo đảm thuận tiện, an toàn, đúng quy định (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

### 6.2. *Kết quả cần đạt*

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện.
- 100% TTHC cung cấp Dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh.
- Tối thiểu 80% TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC của cấp tỉnh.
- Tối thiểu 90% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.
- Tối thiểu 95% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh được số hóa.
- Tối thiểu 95% thông tin dữ liệu số hóa được khai thác, sử dụng lại.
- 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.
- 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

6.3. *Nguồn lực tài chính*: Ngân sách nhà nước.

## **Nhóm 7: Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

### *7.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn*

- Nhiệm vụ 1: Triển khai hiệu quả cơ chế đồng tài trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ giữa tỉnh và doanh nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp khai thác, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 2: Phối hợp tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng trong năm 2026 và công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ những sáng kiến, giải pháp đã được lựa chọn (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 3: Thành lập đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh. Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của địa phương; xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng. Nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển (*Hoàn thành trong quý I năm 2026*).

- Nhiệm vụ 4: Tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công (quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị...) (*Hoàn thành trong quý III năm 2026*).

- Nhiệm vụ 5: Triển khai Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, quản lý dựa trên dữ liệu và chỉ tiêu mức dịch vụ (*Theo tiến độ triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ*).

- Nhiệm vụ 6: Chủ động xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm; tập trung nâng cao trình độ công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đặc biệt đối với các ngành sản xuất, chế biến, chế tạo; đồng thời xác định rõ bài toán, dữ liệu, nền tảng, quy trình và chỉ tiêu đo lường, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết phù hợp với điều kiện thực tiễn, qua đó tạo động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực trên nền tảng KHCN, ĐMST và CDS (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 7: Chỉ đạo xây dựng, ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương làm cơ sở để kết nối, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài tỉnh nhằm chuyển giao, tiếp nhận và từng bước làm chủ công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 8: Phát triển mạnh hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh thông qua tổ chức các cuộc thi, chương trình hỗ trợ ươm tạo, kết nối chuyên gia; tăng cường hoạt động tư vấn, hỗ trợ về sở hữu trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, góp phần hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo năng động, gắn với nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

## 7.2. Kết quả cần đạt

- Hình thành tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương), có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm.

- Tối thiểu 2,5% doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Hình thành tối thiểu 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Thành lập 01 đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh. Hình thành tối thiểu 01 vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng 01 chương trình/kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược.

- Tối thiểu 11% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- 07 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- 12 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Tối thiểu 13 doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.

- 800 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

## 7.3. Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước.

### **Nhóm 8: Phổ cập, nâng cao kỹ năng số trong cộng đồng; phát triển nguồn nhân lực**

#### 8.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn

- Nhiệm vụ 1: Tổ chức tập huấn, phổ cập nâng cao kỹ năng số và văn hoá đổi mới sáng tạo; lan toả nhận thức về KHCN, ĐMST và CDS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyên đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp. Phát huy vai trò nòng cốt của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số thiết yếu. Triển khai đồng bộ, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh, tạo nền tảng nâng cao dân trí số và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 2: Tổ chức Cuộc thi “Công dân số Xứ Lạng” trên địa bàn tỉnh nhằm lan toả tinh thần học tập, nâng cao kỹ năng số, hình thành thói quen ứng dụng công nghệ trong công việc và đời sống xã hội (*Hoàn thành trong tháng 10 năm 2026*).

- Nhiệm vụ 3: Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số... tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm; chương trình khuyến khích sinh viên thực hiện các đề tài khoa học, khởi nghiệp trong môi trường giáo dục, đào tạo nghề; định hướng nghề nghiệp, tư vấn cho học sinh phổ thông theo đuổi các ngành khoa học, kỹ thuật để chủ động, chuẩn bị trước nguồn nhân lực KHCN, ĐMST và CDS (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 4: Nghiên cứu, tham mưu triển khai các chính sách đãi ngộ đặc thù theo quy định để thu hút, sử dụng hiệu quả các chuyên gia đầu ngành, bao gồm chuyên gia trong nước, chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài, tham gia dẫn dắt, tư vấn, triển khai các dự án công nghệ chiến lược (như trí tuệ nhân tạo, rô-bốt, y sinh...), góp phần nâng cao năng lực KHCN, ĐMST và CDS của tỉnh (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

### 8.2. Kết quả cần đạt

- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng được đào tạo, tập huấn.
- 100% trường học có sử dụng học liệu số trong giảng dạy.
- Tối thiểu 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông...

### 8.3. Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước.

## **Nhóm 9: Hợp tác quốc tế**

### 9.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn

- Nhiệm vụ 1: Đẩy mạnh hợp tác quốc tế với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước, đặc biệt là các đối tác có quan hệ hợp tác truyền thống, các địa phương Trung Quốc và các địa phương, đối tác các nước để trao đổi chia sẻ, trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS; gắn hợp tác với chuyên gia công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài, phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh Lạng Sơn (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 2: Tăng cường nghiên cứu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình phát triển tiên tiến của các địa phương, quốc gia; chủ động tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác song phương, đa phương về KHCN, ĐMST và CDS; đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, lợi thế và môi trường đổi mới sáng tạo của tỉnh Lạng Sơn, qua đó thu hút nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

### 9.2. Kết quả cần đạt

- Dự án, biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp, viện, trường trong và ngoài nước.

- Báo cáo, chương trình, các hoạt động hợp tác.

### 9.3. Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước.

## **Nhóm 10: Bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu**

### 10.1. Nội dung trọng tâm và thời hạn

- Nhiệm vụ 1: Tổ chức quán triệt đầy đủ các chủ trương, quy định của Trung ương về bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và an ninh dữ liệu; xác định “an

ninh mạng là điều kiện tiên quyết của chuyển đổi số”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng chống tấn công mạng, mã độc, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước trên không gian mạng. Nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; gắn kết quả bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin với công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, nhất là người đứng đầu. Xác định rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với các trường hợp để xảy ra sự cố an ninh mạng do nguyên nhân chủ quan (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 2: Tổ chức rà soát, đánh giá, nâng cấp hệ thống giám sát an ninh mạng tại các cơ quan, đơn vị; phân công rõ trách nhiệm trong giám sát, điều phối, ứng phó và xử lý sự cố; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống giám sát an ninh mạng quốc gia. Khắc phục kịp thời các lỗ hổng bảo mật; triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”; tích hợp yêu cầu về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu ngay từ khâu thiết kế, thẩm định, triển khai các hệ thống thông tin và nền tảng số (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 3: Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn việc bảo đảm an toàn, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, đặc biệt là hệ thống thông tin trọng yếu; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ, hành vi tấn công mạng, xâm nhập, đánh cắp dữ liệu. Xây dựng và triển khai các phương án ứng phó, khắc phục sự cố; bảo đảm duy trì hoạt động liên tục của hệ thống thông tin; không để xảy ra mất an toàn thông tin nghiêm trọng (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 4: Triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước trên môi trường số; thực hiện mã hóa, kiểm soát truy cập và sử dụng các thiết bị, giải pháp bảo mật theo quy định trong toàn bộ quá trình xử lý, lưu trữ, trao đổi thông tin. Tổ chức rà soát, đánh giá, xác định và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin; lập và quản lý hồ sơ an toàn thông tin theo cấp độ; xây dựng phương án dự phòng, bảo đảm duy trì hoạt động ổn định khi xảy ra sự cố (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 5: Tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn của Trung ương về bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và an ninh dữ liệu; bảo đảm tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và của Đảng trong quá trình chuyển đổi số. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin xuyên suốt trong toàn bộ vòng đời dữ liệu số, từ tiếp nhận, xử lý, lưu trữ đến khai thác, sử dụng (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

### 10.2. Kết quả cần đạt

- 100% cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, tuyên truyền về an ninh mạng hằng năm.
- 100% hệ thống thông tin được triển khai giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”.

### 10.3. Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước.

### **Nhóm 11: Về tài chính, kinh phí**

- Nhiệm vụ 1: Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, quản lý chặt chẽ nguồn kinh phí chuyển đổi số được giao, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả, tránh lãng phí. Tổ chức triển khai thực hiện và giải ngân kinh phí kịp thời, đúng tiến độ, bảo đảm hiệu quả, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chậm giải ngân do chủ quan dẫn đến lãng phí nguồn lực và thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ chung của việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 2: Chủ động đăng ký, bố trí kinh phí cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch công tác được giao (*Hoàn thành trong quý I năm 2026*).

- Nhiệm vụ 3: Nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh (*Hoàn thành nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh trong quý I năm 2026; hoàn thành nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm 2026*).

- Nhiệm vụ 4: Cơ cấu lại nguồn chi ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ theo hướng tăng tỷ trọng chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo đảm sử dụng ngân sách tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, phù hợp với quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược, phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm phù hợp với định hướng của Trung ương và quy định hiện hành. Ưu tiên các nhiệm vụ có đồng tài trợ, có cam kết tiêu thụ hoặc chuyển giao kết quả; kiên quyết dừng hoặc điều chỉnh các nhiệm vụ kém hiệu quả, kéo dài, không xác định rõ sản phẩm, đầu ra (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

- Nhiệm vụ 5: Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính để đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm hạ tầng kết nối, cơ sở dữ liệu và trang thiết bị công nghệ thông tin; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, từng bước hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh (*Nhiệm vụ thường xuyên*).

#### *11.2. Kết quả cần đạt*

- Tổng chi ngân sách nhà nước cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS đạt tối thiểu 1,5%.

- Tỷ lệ chi cho KHCN, ĐMST và CDS đạt tối thiểu 2,2% GRDP.

- 100% cơ quan, đơn vị hoàn thành đăng ký nhu cầu kinh phí trong quý I/2026.

- Không để xảy ra tình trạng chậm giải ngân do nguyên nhân chủ quan.

- Bảo đảm tỷ lệ bố trí kinh phí phù hợp với kế hoạch, không phát sinh nhiệm vụ không có nguồn.

11.3. Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy**

Tham mưu, tổ chức triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch đã xây dựng. Tiếp nhận, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành do Trung ương chuyển giao đúng quy định, hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thường trực, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh để triển khai thực hiện Kế hoạch.

*Đối với Văn phòng Tỉnh ủy (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh):*

- Kịp thời tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo để hoạt động hiệu quả. Chủ trì, phối hợp với Tổ Giúp việc xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nội dung, chương trình và tham mưu tổ chức các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, kịp thời đề xuất với Trưởng Ban Chỉ đạo những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết.

- Giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh trong việc theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện, đề xuất các phương án, giải pháp khắc phục, giải quyết theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh các vấn đề vượt thẩm quyền để chỉ đạo xử lý, giải quyết.

- Tiếp tục chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong các cơ quan đảng: Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí triển khai các nhiệm vụ: Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung; mua sắm bản quyền phần mềm phòng chống virus tập trung; nâng cấp hệ thống hội nghị trực tuyến; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ...

- Rà soát các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan đảng để bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp, lãng phí; rà soát, ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản thuộc lĩnh vực, chức năng, nhiệm vụ làm căn cứ triển khai Kế hoạch.

- Chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt, tham mưu phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với các hệ thống thông tin đối với các cơ quan đảng. Định kỳ hằng tháng, quý hoặc đột xuất tham mưu báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Ban Chỉ đạo tỉnh và Trung ương.

- Chủ trì cập nhật định kỳ báo cáo ngày, tháng và đột xuất đối với các nhiệm vụ các cơ quan đảng cấp tỉnh theo biểu mẫu điện tử trên Hệ thống theodoing.dcs.vn; phê duyệt báo cáo của các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, phân cấp.

## **2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh**

- Chỉ đạo tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý cho đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

- Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển KHCN, ĐMST và CDS trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo cập nhật định kỳ báo cáo ngày, tháng và đột xuất theo biểu mẫu điện tử trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn.

## **3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Chỉ đạo rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, quy định, hướng dẫn để thúc đẩy KHCN, ĐMST và CDS.

- Chỉ đạo tập trung triển khai thực hiện các chương trình do Chính phủ, các bộ, ban, ngành triển khai về phát triển KHCN, ĐMST và CDS; tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần tăng trưởng ở mức 2 con số.

- Chỉ đạo liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan trong hệ thống chính trị; bảo đảm công tác an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu.

- Chỉ đạo bảo đảm kinh phí triển khai Kế hoạch; thực hiện phân bổ, giải ngân kinh phí kịp thời.

- Chỉ đạo cập nhật định kỳ báo cáo ngày, tháng và đột xuất theo biểu mẫu điện tử trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn.

## **4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

- Chỉ đạo tổ chức cập nhật, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Chỉ đạo tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện. Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên trong việc hướng dẫn kỹ năng số cho người dân, hộ kinh doanh.

- Chỉ đạo cập nhật định kỳ báo cáo ngày, tháng và đột xuất theo biểu mẫu điện tử trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn.

## **5. Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh**

- Thực hiện theo phân công nhiệm vụ tại Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo; thường xuyên đôn đốc, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu, đề xuất với Thường trực Ban Chỉ đạo các chủ trương, cơ chế, chính sách và các giải pháp triển khai thực hiện Kế hoạch; những nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai; kịp thời báo cáo những vấn đề phát sinh và kiến nghị, đề xuất

giải pháp; tích cực đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, đề xuất sáng kiến về chuyển đổi số.

- Chỉ đạo cơ quan hiện đang công tác và được phân công phụ trách trong việc triển khai Kế hoạch. Chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực phụ trách.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 23-KH/TU, ngày 24/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; là căn cứ để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị tỉnh thống nhất hành động, tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ được giao, góp phần tạo đột phá thực chất trong phát triển KHCCN, ĐMST và CDS của tỉnh.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Cơ quan Ủy ban MTTQVN tỉnh,
- Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh  
(theo Quyết định số 288-QĐ/TU),
- Các cơ quan CT TMGV Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Báo và PTTH Lạng Sơn,
- Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

**Đoàn Thị Hậu**